TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **09**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Hạnh
Ông Nguyễn Đình Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thế D**; sinh năm 1993(có mặt)
Địa chỉ: Bào 3, Quân khu 9, ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh B.
* Bị đơn: Chị **Trần Thị Kiều Trang**, sinh năm 1995 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 29, khu phố T, TT Tân P, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thế D trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Trần Thị Kiều T là vợ chồng, chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh B vào ngày 07/02/2013. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc và mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân là do chị T đi làm công nhân, đi sớm về khuya và nghe nói chị T có quan hệ ngoài hôn nhân với người khác. Anh D đã nhắc nhở nhưng chị T không nghe và bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống từ tháng 6/2017 cho đến nay. Nay anh D xác định tình cảm dành cho chị T đã thực sự hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh D và chị T có 02 con chung tên: Nguyễn Trần Thu Th, sinh ngày 19/10/2012 và Nguyễn Trần Kiều L, sinh ngày 16/3/2014. Anh D yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh D không yêu cầu gì thêm.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Trần Thị Kiều T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Thế D chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh B. Khi mới kết hôn anh D và chị T sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị T đi làm công nhân, thời gian làm dài, nhiều khi phải tăng ca nên anh D nghi ngờ chị T đi chơi và lăng nhăng ở ngoài nên xảy ra mâu thuẫn. Kinh tế của gia đình anh D làm được đồng nào thì giao cho mẹ ruột giữ hết và không đưa cho chị T lo cho con cái nên mâu thuẫn ngày càng nhiều và không hòa hợp được, do vậy từ tháng 6/2017 chị T đã về bên nhà mẹ ruột làm ăn sinh sống và ly thân với anh D từ đó cho đến nay. Hiện nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh D và chị T có 02 con chung tên: Nguyễn Trần Thu Th, sinh ngày 19/10/2012 và Nguyễn Trần Kiều L, sinh ngày 16/3/2014. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Trần Kiều L, sinh ngày 16/3/2014, vì hiện tại cháu L còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới ngoài các chứng cứ đã được kiểm tra.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu cho anh Nguyễn Thế D được ly hôn với chị Trần Thị Kiều T.

Về con chung cần giao cháu Nguyễn Trần Kiều L sinh năm 2014 cho chị Trần Thị Kiều T và giao cháu Nguyễn Trần Thu Th sinh năm 2012 cho anh Nguyễn Thế D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng;

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn anh Nguyễn Thế D thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn Trần Thị Kiều T có nơi cư trú tại Tổ 29, khu phố T, thị trấn Tân P, huyện Đ, tỉnh B nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Trước đây và tại phiên toà, anh D đều có yêu cầu xin được ly hôn với chị Trang.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế D và chị Trần Thị Kiều T chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước vào năm 2013. Việc kết hôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh D và chị T có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng, luôn nghi ngờ lẫn nhau, không có sự cảm thông, sẽ chia với nhau những lúc khó khăn trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải nhiều lần nhưng cả hai không cải thiện được tình cảm mà vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả anh D, chị T thống nhất ly hôn. Vì vậy, cần tuyên xử cho anh D được ly hôn với chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh D và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thu Th, sinh ngày 19/10/2012 và Nguyễn Trần Kiều L, sinh ngày 16/3/2014. Xét yêu cầu của đơn anh Nguyễn Thế D có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh D chứng minh có nghề cưa củi có thu nhập ổn định trên 5.000.000 đồng/01 tháng đảm bảo điều kiện để nuôi con. Xét yêu cầu của chị Trần Thị Kiều T có yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Kiều L, sinh ngày 16/3/2014 vì cháu L còn quá nhỏ, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị T chứng minh hiện chị đang làm công nhân và thu nhập ổn định hơn 4.000.000 đồng/1 tháng. Đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác cháu L còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ vì vậy chị yêu cầu được nuôi cháu L. Nhận thấy, anh D và chị T đều nguyên vọng được nuôi con và có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Do các bên không thỏa thuận được việc nuôi con nên cần áp dụng Điều 81, 82,83 của Luật hôn nhân gia đình. Tuyên giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp. Do chị T có nguyên vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trần Kiều L, sinh ngày 16/3/2014 nên giao cho chị Trần Thị Kiều T trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu L là phù hợp. Giao cho anh Trần Thế D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Thu Th, sinh ngày 19/10/2012

Về cấp dưỡng nuôi con: các bên không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Thế D phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Tuyên xử cho anh Nguyễn Thế D được ly hôn với chị Trần Thị Kiều T.

2. Về con chung, cấp dưỡng:

Tuyên giao con chung là Nguyễn Trần Thu Th sinh ngày 19/10/2012 cho anh Nguyễn Thế D; giao cháu Nguyễn Trần Kiều L, sinh ngày 16/3/2014 cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Th, L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trong thời gian nuôi dưỡng con chung, anh D, chị T được thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Nguyễn Thế D phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024491 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn , bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã Tân Tiến;
-Các đương sự;
-Lưu HS, BP.HNGĐ

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

.

Nguyễn Thị Hương

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;

.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương